

**CÔNG TY TNHH DURAGREEN VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DURAGREEN VIỆT NAM  
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DURAGREEN VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DURAGREEN VIETNAM CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110691896

**3. Ngày thành lập:** 19/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

C51-NV16, Ô 17- Dự Án KĐT mới hai bên đường Lê Trọng Tấn Geleximco, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979704682

Fax:

Email: vietnam@duragreenlighting.co.uk Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4330     |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4610     |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4620     |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4632     |
| 7.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4633     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.                                                                             | 4649 |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng ;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện ) ;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. | 4659 |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4663 |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4669 |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8299 |
| 13. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:- Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; Thiết kế máy móc và thiết bị.<br>- Tư vấn thiết kế công trình điện và tư vấn giám sát thi công công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                  | 7110 |
| 14. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7410 |
| 15. | Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4690 |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4711 |
| 17. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4721 |
| 18. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4722 |
| 19. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4723 |
| 20. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1701 |
| 21. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2640 |
| 22. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2710 |
| 23. | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2720 |

|     |                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                                                | 2731 |
| 25. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                             | 2732 |
| 26. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                            | 2733 |
| 27. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                  | 2740 |
| 28. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                          | 2750 |
| 29. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                        | 2790 |
| 30. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                                                                                                       | 2819 |
| 31. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                                                                    | 4921 |
| 32. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định                                                                | 4922 |
| 33. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                                                                                                                                          | 4929 |
| 34. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                | 4931 |
| 35. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng                                                                                                                                     | 4932 |
| 36. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                          | 4933 |
| 37. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, điều kiện kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyển và điều kiện kinh doanh vận chuyển khách du lịch | 5021 |
| 38. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                       | 5210 |
| 39. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                   | 5224 |
| 40. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                             | 3311 |
| 41. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                         | 3312 |
| 42. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                             | 3313 |
| 43. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                             | 3314 |
| 44. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                             | 3319 |
| 45. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                            | 3320 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 46. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Hoạt động lắp đặt hệ thống điện cho công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng. Cụ thể:<br>+ Dây dẫn và thiết bị điện,<br>+ Đường dây thông tin liên lạc,<br>+ Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học,<br>+ Hệ thống chiếu sáng,<br>+ Chuông báo cháy,<br>+ Hệ thống báo động chống trộm,<br>+ Tín hiệu điện và đèn trên đường phố..<br>+ Hoạt động kết nối các thiết bị điện và đồ dùng gia đình | 4321(Chính) |
| 47. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4752        |
| 48. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4759        |
| 49. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4761        |
| 50. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4772        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN ANH TÚ

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 04/06/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035082000605

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 5, Cụm 2, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 97, ngõ 358 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN ANH TÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/06/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035082000605

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 5, Cụm 2, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 97, ngõ 358 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội